

PHỤ LỤC

(Kèm theo Tờ trình số 81 /TTr-UBND ngày 21 /5/2025 của UBND huyện Sơn Hà)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Dự kiến phân bổ Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025							
		Tổng kinh phí	Trong đó:			Chi tiết theo từng lĩnh vực			
			Ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách tỉnh	Đối ứng ngân sách Huyện	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	5.202	4.524	452	226	-	-	-	4.827
1	Thị trấn Di Lăng	366	319	31	16,000				366
2	Xã Sơn Hạ	-		-	-				0
3	Xã Sơn Thành	-		-	-				0
4	Xã Sơn Nham	557	486	47	24,000				557
5	Xã Sơn Cao	706	614	61	31,000				706
6	Xã Sơn Linh	-		-	-				0
7	Xã Sơn Giang	503	436	45	22,000				503
8	Xã Sơn Hải	303	264	26	13,000				303
9	Xã Sơn Thủy	470	409	41	20,000				470
10	Xã Sơn Kỳ	339	294	30	15,000				339
11	Xã Sơn Ba	735	639	64	32,000				735
12	Xã Sơn Bao	412	358	36	18,000				412
13	Xã Sơn Thượng	436	379	38	19,000				436
14	Xã Sơn Trung	375	326	33	16,000	-	-		375

STT	Tên dự án	Dự kiến phân bổ Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025							
		Tổng kinh phí	Trong đó:			Chi tiết theo từng lĩnh vực			
			Ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách tỉnh	Đối ứng ngân sách Huyện	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế
III	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	2.587	2.249	225	113	-	-	445	2.142
III.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp	2.142	1.862	186	94	-	-	-	2.142
1	Thị trấn Di Lăng	222	193	19	10				222
2	Xã Sơn Hạ	-	-	-	-				0
3	Xã Sơn Thành	-	-	-	-				0
4	Xã Sơn Nham	222	193	19	10				222
5	Xã Sơn Cao	282	245	25	12				282
6	Xã Sơn Linh	-	-	-	-				0
7	Xã Sơn Giang	200	174	17	9				200
8	Xã Sơn Hải	118	103	10	5				118
9	Xã Sơn Thủy	187	163	16	8				187
10	Xã Sơn Kỳ	134	116	12	6				134
11	Xã Sơn Ba	296	257	26	13				296
12	Xã Sơn Bao	163	142	14	7				163
13	Xã Sơn Thượng	174	151	15	8				174
14	Xã Sơn Trung	144	125	13	6				144
III.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	445	387	39	19	-	-	445	-
1	Thị trấn Di Lăng	30	26	3	1			30	
2	Xã Sơn Hạ	66	57	6	3			66	
3	Xã Sơn Thành	62	54	5	3			62	
4	Xã Sơn Nham	31	27	3	1			31	
5	Xã Sơn Cao	38	33	3	2			38	

STT	Tên dự án	Dự kiến phân bổ Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025							
		Tổng kinh phí	Trong đó:			Chi tiết theo từng lĩnh vực			
			Ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách tỉnh	Đối ứng ngân sách Huyện	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế
6	Xã Sơn Linh	25	22	2	1			25	
7	Xã Sơn Giang	26	23	2	1			26	
8	Xã Sơn Hải	18	15	2	1			18	
9	Xã Sơn Thủy	26	22	3	1			26	
10	Xã Sơn Kỳ	19	16	2	1			19	
11	Xã Sơn Ba	40	34	4	2			40	
12	Xã Sơn Bao	23	20	2	1			23	
13	Xã Sơn Thượng	24	21	2	1			24	
IV	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	2.871	2.497	249	125	1.993	-	-	878
IV.1	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>	1.993	1.733	173	87	1.993	-	-	-
1	Phòng Giáo dục và đào tạo huyện	1.993	1.733	173	87	1.993			
IV.3	<i>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững</i>	878	764	76	38	-	-	-	878
1	Phòng Nội vụ huyện	878	764	76	38				878
V	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	884	769	77	38	-	884	-	-
V.1	<i>Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin</i>	581	505	51,0	25,0	-	581	-	-
1	Thị trấn Di Lăng	39	34	3,0	2,0		39		
2	Xã Sơn Hạ	88	76	8,0	4,0		88		
3	Xã Sơn Thành	82	71	7,0	4,0		82		

STT	Tên dự án	Dự kiến phân bổ Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025							
		Tổng kinh phí	Trong đó:			Chi tiết theo từng lĩnh vực			
			Ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách tỉnh	Đối ứng ngân sách Huyện	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế
4	Xã Sơn Nham	39	34	3,0	2,0		39		
5	Xã Sơn Cao	49	43	4,0	2,0		49		
6	Xã Sơn Linh	31	27	3,0	1,0		31		
7	Xã Sơn Giang	36	31	3,0	2,0		36		
8	Xã Sơn Hải	21	18	2,0	1,0		21		
9	Xã Sơn Thủy	33	29	3,0	1,0		33		
10	Xã Sơn Kỳ	24	21	2,0	1,0		24		
11	Xã Sơn Ba	52	45	5,0	2,0		52		
12	Xã Sơn Bao	29	25	3,0	1,0		29		
13	Xã Sơn Thượng	31	27	3,0	1,0		31		
15	Xã Sơn Trung	27	24	2,0	1,0		27		
V.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	303	264	26	13,0	-	303	-	-
1	Thị trấn Di Lăng	20	17	2	1,0		20		
2	Xã Sơn Hạ	45	39	4	2,0		45		
3	Xã Sơn Thành	43	37	4	2,0		43		
4	Xã Sơn Nham	22	19	2	1,0		22		
5	Xã Sơn Cao	27	24	2	1,0		27		
6	Xã Sơn Linh	18	15	2	1,0		18		
7	Xã Sơn Giang	20	17	2	1,0		20		
8	Xã Sơn Hải	13	11	1	0,5		13		
9	Xã Sơn Thủy	19	16	2	1,0		19		
10	Xã Sơn Kỳ	14	12	1	0,5		14		
11	Xã Sơn Ba	17	15	1	0,5		17		
12	Xã Sơn Bao	16	14	1	0,5		16		

STT	Tên dự án	Dự kiến phân bổ Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025							
		Tổng kinh phí	Trong đó:			Chi tiết theo từng lĩnh vực			
			Ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách tỉnh	Đối ứng ngân sách Huyện	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế
13	Xã Sơn Thượng	17	15	1	0,5		17		
14	Xã Sơn Trung	15	13	1	0,5		15		
VI	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	1.069	929	93	47	1.069	-	-	-
VI.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	722	628,0	63,0	31,0	722	-	-	-
1	Thị trấn Di Lăng	48	42,0	4,0	2,0	48			
2	Xã Sơn Hạ	108	94,0	9,0	5,0	108			
3	Xã Sơn Thành	102	89,0	9,0	4,0	102			
4	Xã Sơn Nham	48	42,0	4,0	2,0	48			
5	Xã Sơn Cao	63	54,0	6,0	3,0	63			
6	Xã Sơn Linh	39	34,0	3,0	2,0	39			
7	Xã Sơn Giang	44	38,0	4,0	2,0	44			
8	Xã Sơn Hải	26	23,0	2,0	1,0	26			
9	Xã Sơn Thủy	42	36,0	4,0	2,0	42			
10	Xã Sơn Kỳ	29	25,0	3,0	1,0	29			
11	Xã Sơn Ba	66	57,0	6,0	3,0	66			
12	Xã Sơn Bao	35	31,0	3,0	1,0	35			
13	Xã Sơn Thượng	38	33,0	3,0	2,0	38			
14	Xã Sơn Trung	34	30,0	3,0	1,0	34			
VI.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	347	301	30	16	347	-	-	-
1	Thị trấn Di Lăng	23	20	2	1	23			
2	Xã Sơn Hạ	52	45	5	2	52			

STT	Tên dự án	Dự kiến phân bổ Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025							
		Tổng kinh phí	Trong đó:			Chi tiết theo từng lĩnh vực			
			Ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách tỉnh	Đối ứng ngân sách Huyện	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế
3	Xã Sơn Thành	49	43	4	2	49			
4	Xã Sơn Nham	23	20	2	1	23			
5	Xã Sơn Cao	29	25	3	1	29			
6	Xã Sơn Linh	20	17	2	1	20			
7	Xã Sơn Giang	21	18	2	1	21			
8	Xã Sơn Hải	14	12	1	1	14			
9	Xã Sơn Thủy	20	17	2	1	20			
10	Xã Sơn Kỳ	15	13	1	1	15			
11	Xã Sơn Ba	31	27	3	1	31			
12	Xã Sơn Bao	17	15	1	1	17			
13	Xã Sơn Thượng	18	16	1	1	18			
14	Xã Sơn Trung	15	13	1	1	15			
Tổng cộng		12.613	10.968	1.096	549	3.062	884	445	7.847